

ĐÀO TẠO ĐẶT HÀNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO VĂN HÓA NGHỆ THUẬT TRONG XU THẾ THỰC HIỆN TỰ CHỦ GIÁO DỤC VIỆT NAM

LÊ THỊ THU HIỂN

Tóm tắt

Trước thực trạng đào tạo nhân lực ngành văn hóa nghệ thuật ngày càng gặp nhiều khó khăn, trong khi còn đảm bảo yêu cầu về nguồn nhân lực cho đất nước trong giai đoạn tới, công tác đào tạo cần thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó đào tạo đặt hàng được xem là hết sức cần thiết và hữu hiệu đối với các cơ sở đào tạo, nhất là các cơ sở trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Từ khóa: Đào tạo đặt hàng, văn hóa nghệ thuật, tự chủ giáo dục

Abstract

The current situation of cultural and arts training of the training institutes under the Ministry of Culture, Sports and Tourism is facing many difficulties, in order to meet the requirements of cultural and arts human resources of in the coming time, the article focuses on clarifying the situation, advantages, difficulties and limitations in recruitment and training work of art training institutions. Since then, the author has proposed some key solutions and recommendations for training institutions to ensure the provision of high quality human resources for the cause of nation's arts and culture.

Keywords: Ordered training, art culture, educational self-control

Tính đến tháng 01/2017, cả nước có 54 cơ sở đào tạo chuyên về văn hóa nghệ thuật, trong đó, 16 cơ sở đào tạo trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (trường Trung ương) có nhiệm vụ đào tạo chuyên nghiệp, đào tạo tài năng đỉnh cao, cung cấp đội ngũ văn nghệ sĩ cho cả nước, chuyên sâu theo từng lĩnh vực: Âm nhạc, Múa, Mỹ thuật, Sân khấu - Điện ảnh, Xiếc; đồng thời làm "máy cái" đào tạo đội ngũ giảng dạy cho các trường văn hóa nghệ thuật toàn quốc. 34 cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật đóng tại

các tỉnh/thành phố có nhiệm vụ đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực thuộc văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao và du lịch (gồm văn hóa và các ngành nghệ thuật như Mỹ thuật, Âm nhạc, Sân khấu, Múa), cung cấp nguồn nhân lực cho địa phương và tạo nguồn tuyển cho 16 cơ sở đào tạo Trung ương.

Có thể khẳng định, các cơ sở đào tạo khối văn hóa - nghệ thuật trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là những trường đầu ngành trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật của cả nước. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tập trung đầu

tư về mọi mặt nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời tạo điều kiện để giúp các trường địa phương nâng cao chất lượng đào tạo.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, công tác đào tạo văn hóa nghệ thuật ngày càng gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt, từ năm 2016 đến nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trương đổi mới mạnh mẽ về công tác tuyển sinh, tạo điều kiện cho thí sinh chủ động hơn trong việc chọn trường, chọn ngành phù hợp với nguyện vọng, điểm thi và phát huy quyền tự chủ, cạnh tranh lành mạnh trong công tác tuyển sinh của các cơ sở đào tạo trong cả nước. Vì vậy, thí sinh dự tuyển và theo học các ngành năng khiếu nghệ thuật ngày càng hạn chế, ở một số ngành/ chuyên ngành, thậm chí 3 - 4 năm cũng không tuyển sinh được 1 khóa.

Trước tình hình đó, bài viết tập trung khái quát thực trạng công tác tuyển sinh, đào tạo, cơ chế chính sách sử dụng nhân lực lĩnh vực văn hóa nghệ thuật để đề xuất giải pháp Nhà nước đào tạo đặt hàng nhằm đảm bảo yêu cầu về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực văn hóa nghệ thuật của đất nước trong thời gian tới.

1. Thực trạng công tác tuyển sinh và đào tạo của các cơ sở đào tạo văn hoá nghệ thuật trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1.1. Công tác tuyển sinh

1.1.1. Về số lượng

Từ năm 2008 đến 2012, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng thống nhất trên toàn quốc theo giải pháp “Ba chung”. Trong đó, các cơ sở đào tạo khối văn hóa - nghệ thuật tuyển sinh các ngành năng khiếu - nghệ thuật thi môn văn hóa theo đề thi chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hơn nữa, tổ chức thi cùng đợt với thi “Ba chung” nên công tác tuyển sinh các ngành năng khiếu nghệ thuật gặp nhiều khó khăn: Số lượng thí sinh đến dự thi giảm nhiều do không tham gia được kỳ thi sơ tuyển năng khiếu khi đang dự thi tại các trường khác.

Từ năm 2013, khi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ động tìm giải pháp tháo gỡ, xây dựng Đề án tuyển sinh riêng, được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt để tổ chức thi tuyển sinh riêng đợt, thi tuyển năng khiếu kết hợp với xét tuyển văn hóa, tình hình tuyển sinh có cải thiện hơn. Tuy nhiên, đến năm 2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai trên toàn quốc về tự chủ tuyển sinh, công tác tuyển sinh tại các trường văn hóa nghệ thuật lại trở nên khó khăn do khan hiếm nguồn tuyển.

1.1.2. Về chất lượng

Số lượng thí sinh đăng ký dự thi ít, nguồn tuyển hạn hẹp, nên các cơ sở đào tạo không có điều kiện để lựa chọn được những thí sinh có năng khiếu, tài năng thực sự để đào tạo. Thực trạng đó dẫn đến chất lượng “đầu vào” không cao, chất lượng đào tạo chưa đạt yêu cầu để có nhiều tài năng tập trung cho đào tạo bồi dưỡng “đỉnh cao”.

Bên cạnh đó, có nhiều ngành/chuyên ngành rất ít thí sinh dự thi hoặc không có thí sinh dự thi nên một số ngành/ chuyên ngành không tuyển sinh liên tục hàng năm được, thậm chí 3 - 4 năm mới tuyển sinh 1 khóa.

1.2. Về công tác đào tạo

1.2.1. Quy mô đào tạo

Quy mô đào tạo của các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật thấp hơn nhiều lần so với các ngành đào tạo khác. Với đặc thù nghề nghiệp và nhu cầu cung cấp nguồn nhân lực cho ngành, các cơ sở đào tạo phải luôn cân đối để đảm bảo quy mô, cơ cấu ngành, chuyên ngành đào tạo đủ cung cấp cho xã hội, tránh dư thừa nhân lực, bởi sản phẩm đầu ra của các trường văn hóa nghệ thuật không được sử dụng đại trà như các ngành khác. Vì vậy, mỗi khoá có hàng nghìn em dự tuyển nhưng chỉ tuyển chính thức được vài chục em cho tất cả các chuyên ngành của một khoá đào tạo, thậm chí có những chuyên ngành chỉ tuyển được 3 - 5 em. Theo thống kê, quy mô tuyển sinh hàng

năm của các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là 6.098 học sinh, sinh viên. Trung bình tổng quy mô đào tạo của 54 cơ sở đào tạo là 58.800 học sinh, sinh viên ở các hệ từ trung cấp đến đại học, chưa được gấp đôi so với quy mô của 01 trường đại học (ví dụ như trường Đại học Cần Thơ có 32.405 sinh viên).

1.2.2. Chất lượng đào tạo

Chương trình đào tạo văn hóa nghệ thuật tuân thủ theo nguyên tắc đào tạo mang tính “chuyên sâu”, “tinh hoa”, “đỉnh cao”... Trong đào tạo chuyên nghiệp từ sơ cấp đến đại học, từ kiến thức chuyên môn chuyên ngành đến chương trình kiến thức các môn văn hóa..., tất cả đều được xây dựng và triển khai có hệ thống, chọn lọc kỹ càng. Nhờ vậy, các nhân tố tài năng được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển từ trong quá trình đào tạo, cho đến sau đào tạo để có thể trở thành những đội ngũ biểu diễn, sáng tác, nguồn nhân lực tài năng với nhiệt huyết cống hiến thực thụ và chuyên nghiệp. Kết quả đào tạo từ năm 2000 đến 2016, công tác đào tạo tài năng đỉnh cao văn hóa nghệ thuật của các cơ sở đào tạo trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng thu được một số kết quả đáng kể. Lĩnh vực âm nhạc có gần 200 học sinh, sinh viên đoạt giải thưởng (nhất, nhì, ba) cấp quốc gia và hơn 100 giải thưởng quốc tế. Các lĩnh vực như Sân khấu - Điện ảnh, lĩnh vực Mỹ thuật có nhiều bài học, tác phẩm tốt nghiệp của sinh viên được giải thưởng chính thức (nhất, nhì, ba) cấp quốc gia, quốc tế, của Hội Mỹ thuật Việt Nam, giải thưởng khu vực và giải thưởng của các hội mỹ thuật, hội văn học nghệ thuật địa phương.

1.3. Đánh giá thực trạng

1.3.1. Những thuận lợi và nguyên nhân

- Việc tổ chức tuyển sinh, thi các ngành năng khiếu thường qua nhiều vòng khác nhau: sơ tuyển, chung tuyển... Do vậy, thời gian thi thường kéo dài. Đội ngũ giám khảo có chuyên

môn sâu, giỏi nghề. Các ngành năng khiếu nghệ thuật, trong 01 ngành có nhiều chuyên ngành, mỗi chuyên ngành lại có yêu cầu về chuyên môn khác nhau. Vì vậy, phải có nhiều hội đồng thi, nhiều môn thi. Phương thức thi đặc thù: có những ngành, chuyên ngành từng học sinh thi trực tiếp trước Hội đồng.

- Công tác đào tạo năng khiếu nghệ thuật có tính đặc thù, học sinh, sinh viên không có năng khiếu không theo học được. Vì vậy, thí sinh học các ngành đại trà khác không có cơ hội xét tuyển.

1.3.2. Những khó khăn và nguyên nhân

- Tổ chức thi: Thời gian thi diễn ra trong nhiều ngày, chi phí tốn kém cho thí sinh và cơ sở đào tạo dẫn đến số lượng thí sinh đăng ký dự thi ít.

- Xét tuyển: Những thí sinh thi vào các ngành năng khiếu nghệ thuật không có cơ hội xét tuyển vào các ngành đại trà khác. Đồng thời, những thí sinh ở ngành đại trà khác cũng không có cơ hội xét tuyển vào các ngành năng khiếu nghệ thuật thuộc các cơ sở đào tạo khối văn hóa nghệ thuật. Vì công tác tuyển sinh năng khiếu nghệ thuật có tính đặc thù, ngay từ công tác tuyển sinh, thí sinh phải qua nhiều vòng: sơ tuyển, chung tuyển...

Thực tế hiện nay này sinh thực trạng các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng thuộc các tỉnh, thành phố đào tạo đa ngành, có đào tạo các ngành năng khiếu nghệ thuật yêu cầu về chất lượng “đầu vào” rất thấp để có người học nên đã tác động đến số lượng thí sinh dự thi các ngành năng khiếu nghệ thuật vào các trường đào tạo chuyên nghiệp khối văn hóa nghệ thuật (vì các trường chuyên nghiệp yêu cầu trình độ đầu vào cao hơn).

- Quá trình đào tạo: Đặc thù của khối văn hóa nghệ thuật là tuyển sinh từ độ tuổi rất nhỏ và được đào tạo liên tục trong nhiều năm. Trong quá trình đào tạo, có sự sàng lọc, đào thải khắt khe; tuổi nghề ngắn. Ngoài ra, thời

gian học kéo dài, chi phí tốn kém, nặng nhọc, mức độ rủi ro cao, cơ hội tìm kiếm việc làm không nhiều là những khó khăn trong quá trình đào tạo ở khối văn hóa nghệ thuật.

- *Chi phí đào tạo rất lớn, chi phí người học phải tự trang bị để phục vụ cho quá trình học tập như son phấn, giấy dép, phục trang, họa phẩm... đến các thiết bị chuyên dụng đắt tiền là nhạc cụ, máy quay phim, thiết bị âm thanh, ánh sáng, đạo cụ, thiết bị lồng tiếng, thiết bị kỹ xảo... rất tốn kém cho cả người học và cơ sở đào tạo.* Chi phí cho tuyển sinh cao do phải thành lập nhiều hội đồng chấm thi năng khiếu trực tiếp, số thí sinh dự thi ít và lệ phí tuyển sinh thấp dẫn đến các trường phải bù lỗ nhiều. Đặc biệt, kinh phí làm tốt nghiệp bằng tác phẩm đối với một số ngành/chuyên ngành rất cao (như: Sáng tác âm nhạc, Chỉ huy dàn nhạc, Đạo diễn Sân khấu, Điện ảnh - Truyền hình, Quay phim, Diễn viên, các ngành Hội họa, Đồ họa, Điêu khắc, Biên đạo múa, Huấn luyện múa, Xiếc...) cũng làm hạn chế người theo học.

- Cơ chế chính sách:

+ Trong đào tạo: Đã có một số chính sách ưu đãi (Quyết định số 82/2005/QĐ-TTg và Quyết định số 41/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chế độ ưu đãi đối với học sinh, sinh viên các ngành nghệ thuật truyền thống và đặc thù trong các trường văn hóa - nghệ thuật) nhưng chưa đủ để động viên khuyến khích học sinh, sinh viên học các ngành năng khiếu nghệ thuật dẫn đến hạn chế thí sinh dự thi.

+ Sử dụng nhân lực sau đào tạo còn bất cập: Do đặc thù tuyển sinh từ nhỏ, nên một số ngành tốt nghiệp các em ra làm nghề sớm, 18 - 19 tuổi đã thành diễn viên, nhạc công các ngành nghệ thuật biểu diễn (diễn viên Múa, Kịch hát dân tộc, Chèo, Tuồng, Cải lương, Ca, Nhạc...).

+ Chưa có cơ chế chính sách, chế độ đãi ngộ phù hợp. Chế độ lương của các ngành văn hóa nghệ thuật thấp vì xếp lương tuyển dụng

ngạch viên chức, có bằng trung cấp bậc lương rất thấp. Mặt khác, yêu cầu chuẩn trình độ đào tạo với ngạch viên chức nghệ thuật biểu diễn và các ngành nghệ thuật phải có bằng cao đẳng, đại học... Vì vậy, yêu cầu các em phải học liên thông nên không tạo động lực cho thí sinh đăng ký dự thi và học các ngành năng khiếu nghệ thuật.

+ Chế độ lương sau khi ra trường nếu xin được việc làm tại các đơn vị nghệ thuật không đủ cho những chi phí tối thiểu trong sinh hoạt.

+ Tuổi nghề ngắn, ngoài 35 tuổi diễn viên sân khấu, múa... đã hết tuổi nghề (không đứng trên sân khấu biểu diễn được nữa do cơ thể căng cứng, cột hơi suy giảm không bảo đảm chất lượng nghệ thuật).

+ Chế độ bảo hiểm bất hợp lý. Theo quy định, từ 55 tuổi trở ra người lao động mới được nghỉ để hưởng chế độ, trong khi nhiều thể hệ diễn viên mới ra trường phải làm hợp đồng nhiều năm vì đơn vị không có biên chế để tuyển dụng...

Với những nguyên nhân trên, đặc biệt, từ năm 2016 đến nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trương đổi mới mạnh mẽ về công tác tuyển sinh, nhằm tạo điều kiện cho thí sinh chủ động hơn trong việc chọn trường, chọn ngành phù hợp với nguyện vọng, điểm thi và phát huy quyền tự chủ, cạnh tranh lành mạnh trong công tác tuyển sinh của các cơ sở đào tạo trong cả nước. Vì vậy, thí sinh dự tuyển và theo học các ngành năng khiếu nghệ thuật hạn chế hơn nữa.

Kết quả, ở một số ngành/chuyên ngành, công tác tuyển sinh đặc biệt khó khăn và thậm chí không tuyển sinh được, trong khi nhu cầu về nhân lực là rất cần thiết, khủng hoảng thiếu từ những năm 2020 trở đi, như ngành Biểu diễn nhạc cụ phương tây (chuyên ngành: Kèn, Gõ giao hưởng, Contrebass, cello, harp); ngành Biểu diễn nhạc cụ dân tộc (chuyên ngành: Nhị, Tam thập lục, Tỳ bà); ngành Diễn

viên sân khấu kịch hát (chuyên ngành: Tuồng, Chèo, Cải lương, Múa rối, Nhạc công...); ngành Sáng tác văn học (Lý luận phê bình văn học); ngành Gia đình học; các ngành Lý luận ở các lĩnh vực; Phê bình sân khấu, Điện ảnh - Truyền hình; ngành Biên kịch sân khấu; ngành Gốm...

2. Những vấn đề đặt ra

- Một số chuyên ngành/ngành khó tuyển sinh (ở trên) dự báo sẽ khủng hoảng thiếu nhân lực từ những năm 2020 trở đi.

- Quy mô đào tạo thấp, các ngành đào tạo văn hóa, đặc biệt nghệ thuật chuyên nghiệp khó có khả năng xã hội hóa (cả nước chỉ có 01 trường ngoài công lập).

- Để đảm bảo chất lượng đào tạo thực hiện sứ mệnh đào tạo tài năng, đào tạo đỉnh cao, các cơ sở đào tạo đề ra tiêu chí tuyển sinh đầu vào và quy trình đào tạo yêu cầu khắt khe, cao hơn các cơ sở đào tạo đại trà có đào tạo các ngành văn hóa nghệ thuật cũng ảnh hưởng đến nguồn tuyển sinh. (Hiện nay, có nhiều trường đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở các ngành đào tạo trong lĩnh vực nghệ thuật).

- Cơ chế chính sách ưu đãi cho học sinh, sinh viên các ngành đặc thù truyền thống dân tộc, dân tộc thiểu số đã có, nhưng chưa đủ để khuyến khích học sinh, sinh viên dự tuyển theo học các ngành năng khiếu nghệ thuật.

Để giải quyết tình hình khó khăn này, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng đã triển khai một số giải pháp mang tính chủ động:

- Năm 2013, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng Đề án tuyển sinh riêng được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt cho các trường thực hiện thi riêng đợt, xét tuyển môn văn hóa để tạo nguồn tuyển sinh.

- Năm 2017, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo thỏa thuận cho phép: Quy định xét tuyển môn văn hoá, cụ thể là môn Ngữ văn (xét theo học bạ

là 5.0 điểm, theo thang điểm 10) ở trình độ đại học; thực hiện chính sách ưu tiên tuyển sinh đối với thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi lĩnh vực nghệ thuật ở cấp quốc gia và quốc tế.

- Các cơ sở đào tạo tổ chức tuyển sinh thành nhiều đợt trong năm; thực hiện xét tuyển văn hóa cả ở học bạ Trung học Phổ thông, song song với sử dụng kết quả kỳ thi Trung học Phổ thông quốc gia.

- Một trong số đó là thực hiện giải pháp cấp bách, triển khai thí điểm các Dự án đào tạo theo mô hình, phương thức đào tạo kết hợp giữa đơn vị sử dụng lao động và cơ sở đào tạo. Cụ thể là đào tạo theo địa chỉ (giữa Nhà hát với Nhà trường). Từ năm 2014 đến 2020, đối với một số ngành/chuyên ngành khó tuyển ở một số lĩnh vực như sân khấu, cụ thể ở các ngành nghệ thuật truyền thống như Chèo, Tuồng, Cải lương, Ca, Nhạc công, nhằm bổ sung nhân lực diễn viên, nhạc công cho giai đoạn 2017 - 2020 bị khủng hoảng thiếu thì giải pháp này là khả thi, hiệu quả, thể hiện được một số ưu điểm nổi bật là:

+ Mô hình đào tạo phối hợp giữa Nhà trường và Nhà hát là sự kết hợp với hình thức dạy truyền nghề của nghệ sỹ và thực hành biểu diễn tại Nhà hát. Mô hình này rất phù hợp và hiệu quả trong giai đoạn hiện nay (đó là đào tạo nghề gắn với làm nghề, truyền nghề và giữ nghề), đáp ứng ngay nguồn nhân lực có chất lượng, theo đúng yêu cầu để bổ sung cho Nhà hát.

+ Tiết kiệm được chi phí đào tạo, vì diễn viên từ năm thứ 3 đã có thể phối hợp phục vụ biểu diễn (nhạc công có diễn viên để phối hợp không phải mượn dàn nhạc hoặc diễn viên khi học).

+ Về việc đào tạo trình độ trung cấp (học sinh có bằng THCS), do học sinh ở độ tuổi nhỏ nên dễ tiếp thu, dễ uốn nắn và thời gian làm nghề dài hơn, gắn bó với nghề trong thời gian dài hơn.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chủ động triển khai các giải pháp để bước đầu tránh khủng hoảng nhân lực ở một số ngành nghệ thuật truyền thống. Tuy nhiên, các Dự án đào tạo kết hợp giữa Nhà hát với Nhà trường vẫn có một số vướng mắc, bất cập lớn như:

+ Sau khi tốt nghiệp, một số em có khả năng tốt, Nhà hát rất cần tuyển dụng bổ sung nguồn nhân lực, tuy nhiên không có chỉ tiêu biên chế. Nếu tuyển vào hợp đồng thì không có nguồn chi trả.

+ Về kinh phí: Hiện nay, chế độ ưu đãi Nhà nước chỉ hỗ trợ miễn 70% tiền học phí cho ngành nghệ thuật truyền thống, phần còn lại 30% các Nhà hát vẫn phải bù, vì phải miễn 100% các em mới có thể theo học. Vấn đề thù lao giảng dạy cho nghệ sĩ dạy nghệ thuật truyền thống hiện rất thấp vì dạy nghề còn vất vả hơn biểu diễn (vừa diễn vừa thị phạm)...

Tất cả những vấn đề đặt ra trên đây đòi hỏi phải có những giải pháp, cơ chế, chính sách hợp lý đối với công tác đào tạo các ngành văn hóa nghệ thuật.

3. Một số đề xuất và kiến nghị

Với đặc thù đào tạo các ngành năng khiếu văn hóa nghệ thuật đã trình bày ở trên, với nhiệm vụ chính của các trường là đào tạo và bồi dưỡng cán bộ các lĩnh vực nghệ thuật, nhằm bảo tồn và khai thác tinh hoa văn hoá dân tộc, tiếp thu và phổ biến tinh hoa văn hoá của nhân loại, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, phần lớn không phải là các ngành đào tạo theo nhu cầu xã hội, các cơ sở đào tạo đã làm tốt nhiệm vụ cung cấp nguồn nhân lực chính, chất lượng cao cho sự nghiệp văn hóa nghệ thuật của cả nước, vừa đáp ứng được yêu cầu nhân lực của xã hội, không xảy ra tình trạng khủng hoảng thừa nhân lực sau đào tạo như các ngành đào tạo khác.

Do đó, người viết đề xuất một số kiến nghị như sau:

3.1. Thứ nhất, giao nhiệm vụ đào tạo gắn với giao kinh phí (như hình thức đặt hàng) đối với các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật

3.1.1. Mức chi phí đào tạo, đề xuất 2 mức:

1. Nhà nước trả 100% chi phí đào tạo (không bao gồm kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản): Áp dụng cho đối tượng người học là học sinh, sinh viên thuộc một số chuyên ngành/ngành lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, hoặc chuyên ngành/ngành khó tuyển sinh, hoặc chuyên ngành/ngành hiếm, hoặc truyền thống và dân tộc như: các ngành Lý luận sáng tác phê bình ở cả 6 lĩnh vực, Biên kịch sân khấu, ngành Chỉ huy âm nhạc, Biểu diễn nhạc cụ phương Tây (21 chuyên ngành khoảng 60 em), Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (8 chuyên ngành khoảng 15 - 20 em), nhóm ngành Mỹ thuật, Gốm, Sân khấu truyền thống, Thiết kế Mỹ thuật Sân khấu - Điện ảnh, nhóm ngành Múa, Xiếc; nhóm ngành văn hóa gồm Văn hóa dân tộc thiểu số, Lý luận và sáng tác văn học, Bảo tàng, Thư viện, Gia đình học hoặc ngành Sư phạm, hoặc là người dân tộc thiểu số, miễn núi theo học lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.

2. Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí đào tạo: Áp dụng cho nhóm đối tượng là học sinh, sinh viên theo học một số chuyên ngành/ngành ở các lĩnh vực nghệ thuật mà xã hội có nhu cầu nhiều hơn các ngành trên như Thanh nhạc, Piano, Diễn viên điện ảnh truyền hình, Đạo diễn điện ảnh truyền hình, Quay phim, Nhiếp ảnh, Công nghệ Điện ảnh truyền hình.

3.1.2. Cơ chế thực hiện nhiệm vụ đào tạo được giao (hoặc thực hiện đơn đặt hàng)

Nguyên tắc của cơ chế giao nhiệm vụ gắn với kinh phí hoặc đặt hàng là Nhà nước chỉ chi trả kinh phí đúng đối tượng người học. Cơ sở đào tạo chỉ là đơn vị thực hiện nhiệm vụ được giao chứ không chịu trách nhiệm giám sát việc người học có thực hiện đúng cam kết với Nhà nước (ví dụ học sinh, sinh viên được miễn học phí thì sau khi ra trường phải làm việc phù hợp

với ngành nghề đào tạo) khi được nhận kinh phí hỗ trợ.

Cơ chế thực hiện nhiệm vụ được giao của các cơ sở đào tạo đại học nên được thực hiện theo hình thức khoán trọn gói. Cụ thể như sau:

- Đối với nhiệm vụ Nhà nước chi trả 100% kinh phí: Căn cứ vào khối lượng đào tạo được giao theo nhiệm vụ và định mức chi phí đào tạo, Nhà nước giao kinh phí 1 lần từ đầu năm tài chính. Việc quyết toán kinh phí được thực hiện vào cuối năm trên cơ sở khối lượng sản phẩm hoàn thành cho từng nhiệm vụ được giao. Các nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 1 năm thì việc quyết toán được thực hiện hàng năm và tổng quyết toán theo từng giai đoạn hoặc khi kết thúc thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên, do đặc thù quy trình đào tạo đánh giá chất lượng liên tục, đào thải khắt khe, nhiều học sinh, sinh viên được đánh giá không thể theo được chương trình học sẽ phải buộc dừng học tập. Do đó, việc quyết toán phải thực hiện hàng năm và theo thực tế. Các trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ thì bên vi phạm (người học) phải hoàn trả kinh phí cho Nhà nước.

- Đối với nhiệm vụ Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí đào tạo: Cơ chế thực hiện cho nhóm đối tượng này có thể tiến hành theo phương thức:

Nhà nước giao kinh phí 1 lần từ đầu năm tài chính trên cơ sở xác định khối lượng đào tạo (số sinh viên, số học phần và tín chỉ (nếu có) đăng ký học trong năm) và mức học phí hỗ trợ (tối đa theo định mức quy định). Mức học phí hỗ trợ được áp dụng thống nhất đối với từng trình độ cho tất cả các cơ sở đào tạo. Cơ sở đào tạo sẽ thu học phí trên cơ sở xác định mức học phí (sau khi từ phần hỗ trợ của Nhà nước) để đảm bảo bù đắp được chi phí đào tạo. Việc quyết toán kinh phí được thực hiện hàng năm trên cơ sở khối lượng đào tạo hoàn thành. Các trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ thì bên vi phạm (người học) phải hoàn trả kinh phí cho Nhà nước.

- Đối với khoản kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên thuộc đối tượng theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015, Quyết định số 41/2014/QĐ-TTg ngày 21/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ ưu đãi đối với học sinh, sinh viên các ngành nghề thuật truyền thống và đặc thù trong các trường văn hoá - nghệ thuật; Quyết định số 82/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ ưu đãi đối với học sinh, sinh viên các bộ môn nghệ thuật truyền thống và đặc thù trong các trường văn hoá - nghệ thuật; Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc học tại các cơ sở giáo dục đại học; Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp; Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người thì cơ chế thực hiện cho nhóm đối tượng này có thể tiến hành theo phương thức:

Nhà nước giao kinh phí 1 lần từ đầu năm tài chính trên cơ sở xác định khối lượng đào tạo (đối tượng sinh viên được hưởng theo quy định và số học phần, tín chỉ đối với đào tạo theo tín chỉ đăng ký học 1 lần trong năm) và mức thu học phí của cơ sở đào tạo theo quy định. Việc quyết toán kinh phí được thực hiện vào cuối năm trên cơ sở khối lượng đào tạo hoàn thành.

3.2. Thứ hai, để đảm bảo tính hiệu quả và nâng cao trách nhiệm thực hiện cam kết của các đối tượng nhận hỗ trợ kinh phí từ ngân sách, cần ban hành một số quy định cụ thể:

- Ban hành danh mục chuyên ngành/ngành được miễn 100% học phí và hỗ trợ chi phí học tập, thực hiện tác phẩm tốt nghiệp.

- Hỗ trợ học bổng cho học sinh, sinh viên theo học thuộc nhóm đối tượng được ưu tiên để bảo đảm thu hút người học có chất lượng và góp phần gắn kết giữa người học với ngành/chuyên ngành đào tạo sau tốt nghiệp.

- Điều chỉnh tăng mức ưu đãi miễn học phí từ mức 70% lên mức 100% đối với các đối tượng tại Quyết định số 82/2005/QĐ-TTg và Quyết định số 41/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chế độ ưu đãi đối với học sinh, sinh viên các ngành nghệ thuật truyền thống và đặc thù trong các trường văn hóa nghệ thuật.

- Hỗ trợ chi phí học tập, thực hiện tác phẩm tốt nghiệp cho học sinh, sinh viên chuyên ngành/ngành khó tuyển sinh, các chuyên ngành/ngành hiếm, các ngành truyền thống và dân tộc.

3.3. Một số kiến nghị về cơ chế chính sách cho đội ngũ cán bộ giảng dạy các ngành văn hóa nghệ thuật

- Tăng thù lao giảng dạy cho giảng viên, nghệ sĩ giảng dạy các môn nghệ thuật truyền thống, dân tộc.

- Có chế độ ưu đãi trong việc nâng hạng, nâng ngạch, bậc lương để đảm bảo đời sống cho các giảng viên, nghệ sĩ kịch hát dân tộc; đồng thời giữ nguyên định biên vị trí việc làm đối với giảng viên các ngành hiếm, khó tuyển, ngành truyền thống, dân tộc.

- Giữ mã ngành đào tạo các ngành hiếm, khó tuyển, ngành truyền thống, dân tộc và các ngành không tuyển sinh nhiều do nhu cầu nguồn nhân lực (3 - 4 năm mới tuyển sinh một khóa mà chủ trương hiện nay 2 biên chế nghỉ mới cho tuyển dụng 1 biên chế).

- Tăng chỉ tiêu biên chế cho các đơn vị nghệ thuật kịch hát dân tộc để tạo cơ hội việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi ra trường, đảm bảo ổn định nguồn nhân lực sân khấu kịch hát dân tộc.

L.T.T.H

(TS., Vụ trưởng Vụ Đào tạo, Bộ VH TTDL)

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2012), *Quyết định số 2607/QĐ-BVHTTDL ngày 17/7/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Về việc xây dựng Đề án Đổi mới công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy khối các trường Văn hóa-Nghệ thuật.*

2. Chính phủ (2015), *Nghị định 86/2015/NĐ-CP, ngày 2/10/2015 về chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021.*

3. Thủ tướng Chính phủ (2005), *Quyết định 82/2005/QĐ-TTg, ngày 18/4/2005 về chế độ ưu đãi đối với học sinh, sinh viên các bộ môn nghệ thuật truyền thống và đặc thù trong các trường văn hoá - nghệ thuật.*

4. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc học tại các cơ sở giáo dục đại học.*

5. Thủ tướng Chính phủ (2014), *Quyết định 41/2014/QĐ-TTg, ngày 21/7/2014 về chế độ ưu đãi đối với học sinh, sinh viên các ngành nghệ thuật truyền thống và đặc thù trong các trường văn hóa - nghệ thuật.*

Ngày nhận bài: 13 - 11 - 2017

Ngày phản biện, đánh giá: 17 - 12 - 2017

Ngày chấp nhận đăng: 25 - 12 - 2017